

Số: 24/2022/QĐST-DS

Chư Prông, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022.

**XÉT T:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ: Tháp B, 35 H, Quận H, thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Đức T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Quang H; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Phố Núi;

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Võ Minh T; Chức vụ: P.Giám đốc Phòng giao dịch Cthuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Phố Núi.

Địa chỉ: 203 Hùng Vương, tổ dân phố 3, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1959 và bà Phạm Thị T, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Thôn Hợp Thắng, xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:**

Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T công nhận có nợ và có nghĩa vụ chung trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Phố Núi Phòng giao dịch C tổng số tiền là 912.801.123 đồng (*Chín trăm mười hai triệu tám trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi ba đồng*) trong đó nợ

gốc là 710.000.000 đồng (Bảy trăm mười triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 15/4/2022 là 202.801.123 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

#### 2.2. Về thời hạn, phương thức trả nợ:

Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ chung thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Phố Núi Phòng giao dịch Tổng số tiền là 912.801.123 đồng (Chín trăm mười hai triệu tám trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 710.000.000 đồng (Bảy trăm mười triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 15/4/2022 là 202.801.123 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi ba đồng) trong thời hạn kể từ ngày 15/4/2022 đến hết ngày 30/5/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 16/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

#### 2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T vi phạm cam kết thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8935407/HĐBĐ ngày 17/7/2019. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Ia Boòng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 16.995 m<sup>2</sup> gồm thửa đất số 79+6, tờ bản đồ số 26+34 và Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 10 (hiện nay đã đổi địa chỉ thửa đất từ xã Ia Boòng thành xã Ia Drang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số T 565447 do Ủy ban nhân dân huyện Cáp ngày 26/4/2001.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Hợp Thắng, xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 5.048 m<sup>2</sup>. Thửa đất số 50+53; tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 018146 do Ủy ban nhân dân huyện Cáp ngày 22/8/2011.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Phố Núi có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng số T 565447 do Ủy ban nhân dân huyện Cáp ngày 26/4/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 018146 do Ủy ban nhân dân huyện Cáp ngày 22/8/2011 ngay sau khi ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

#### 2.4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là  $[36.000.000 đ + (112.801.123 \text{ đồng} \times 3\%)] : 2 = 19.692.017 \text{ đồng}$  (Mười chín triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười bảy đồng). Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T tự nguyện chịu nghĩa vụ chung toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền

19.692.017 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười bảy đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Phố Núi phòng giao dịch Csố tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 19.633.359 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm năm mươi chín đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006356 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

### *2.5. Về chi phí tố tụng:*

Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải chịu nghĩa vụ chung chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ chung hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Phố Núi Phòng giao dịch Csố tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Khương**